

PHỤ LỤC 2:

MỘT SỐ ĐIỀU, KHOẢN CỦA LUẬT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 152/2026/NĐ-CP CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC PHỐI HỢP VỚI UBND XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU

1. UBND xã, phường, đặc khu có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên trong việc vận động, thuyết phục đương sự tự nguyện thi hành án; thông báo thi hành án; trả lời yêu cầu xác minh điều kiện thi hành án trong 03 ngày làm việc; phối hợp áp dụng biện pháp bảo đảm, áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án và các nhiệm vụ khác về thi hành án dân sự trên địa bàn;

Điều 4, Điều 10, Điều 35, Điều 37, Điều 66, Điều 71 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; Điều 17, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP

2. UBND xã, phường, đặc khu có trách nhiệm giải quyết kịp thời những kiến nghị, vướng mắc, khó khăn phát sinh trong việc phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thi hành án dân sự trên địa bàn; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình tổ chức thi hành án theo quy định của pháp luật;

Điều 4, Điều 10 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15

3. UBND xã, phường, đặc khu có trách nhiệm phối hợp kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ quan thi hành án dân sự; thực hiện các yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự về việc truy cập, khai thác thông tin từ cơ sở dữ liệu để phục vụ hoạt động thi hành án dân sự.

Điều 5 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; Điều 4 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP

4. UBND xã, phường, đặc khu có trách nhiệm phối hợp tham gia Hội đồng tiêu hủy vật chứng, tài sản theo đề nghị của cơ quan thi hành án dân sự; tiếp nhận, xử lý vật chứng, tài sản sung quỹ nhà nước và bảo quản tài sản theo quy định;

Điều 4, Điều 10, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15

5. UBND xã, phường, đặc khu có trách nhiệm cung cấp thông tin về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án theo yêu cầu của người được thi hành án.

Điều 6 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15

6. Trường hợp không thực hiện được việc giao bảo quản theo quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều 40 Luật Thi hành án dân sự 2025 thì Ủy ban nhân

dân cấp xã nơi có tài sản có trách nhiệm bảo quản trong thời gian chưa xử lý được tài sản.

Điều 40 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15

7. UBND xã, phường, đặc khu có trách nhiệm phối hợp thực hiện thủ tục bảo đảm tài chính từ ngân sách nhà nước để thi hành án khi người phải thi hành án hoạt động hoàn toàn bằng kinh phí do ngân sách nhà nước cấp mà không có khả năng thi hành án.

Điều 51 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; Điều 88, Điều 89, Điều 90, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 96 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP

8. UBND xã, phường, đặc khu có trách nhiệm phối hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người mua, người nhận tài sản; thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thi hành án theo đề nghị của cơ quan thi hành án dân sự.

Điều 87 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; Điều 69 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP

9. UBND xã, phường, đặc khu có trách nhiệm xác nhận theo yêu cầu của người được thi hành án hoặc người phải thi hành án về địa điểm, nội dung và thời gian xảy ra tình trạng khẩn cấp, sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan dẫn đến việc đương sự không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn.

Điều 3 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP

10. UBND xã, phường, đặc khu có trách nhiệm chỉ đạo tổ trưởng tổ dân phố; trưởng khu phố, trưởng thôn, làng, ấp, bản, khóm, buôn, phum, sóc; công chức cấp xã phối hợp thực hiện việc thông báo về thi hành án hoặc làm chứng việc thông báo về thi hành án.

Điều 16 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP

11. UBND xã, phường, đặc khu có trách nhiệm cử người dẫn đặc cùng tham gia xác định, ghi nhận ranh giới thửa đất trên thực địa và tranh chấp về ranh giới theo đề nghị của Chấp hành viên.

Điều 37 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; điểm b khoản 2 Điều 13 Thông tư số 26/2024/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT.

12. UBND xã, phường, đặc khu có trách nhiệm niêm yết các quyết định chưa có điều kiện thi hành án do cơ quan thi hành án dân sự gửi đến.

Điều 23 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP

13. Tài sản đã được giao trên thực tế nhưng sau đó bị chiếm lại thì cơ quan thi hành án dân sự không có trách nhiệm giao lại tài sản cho người được nhận tài sản. UBND xã, phường, đặc khu nơi có tài sản bị chiếm có trách nhiệm yêu cầu người chiếm tài sản trả lại tài sản cho người được nhận tài sản.

Điều 67 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP

14. Trường hợp trên đất kê biên có mồ mả thì Ủy ban nhân dân có thẩm quyền bố trí quỹ đất trong các nghĩa trang theo quy hoạch để di dời mồ mả hoặc có chính sách hỗ trợ để khuyến khích hình thức hỏa táng, lưu giữ tro cốt tại các cơ sở lưu giữ tro cốt.

Điều 68 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP

15. Khi có yêu cầu của đương sự, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác nhận đương sự có khó khăn về kinh tế, thuộc diện neo đơn để làm căn cứ xét miễn, giảm chi phí cưỡng chế thi hành án.

Điều 87 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP

16. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật xử lý kịp thời đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý có hành vi không chấp hành bản án, quyết định hoặc không thực hiện các quyết định về thi hành án, các yêu cầu, đề nghị của cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên hoặc có các hành vi vi phạm pháp luật về thi hành án dân sự; Chỉ đạo việc thực hiện đề nghị của chấp hành viên trong việc mở khóa, mở gói, buộc ra khỏi nhà, công trình xây dựng, tài sản gắn liền với đất hoặc các biện pháp cần thiết khác để xác minh điều kiện thi hành án, kiểm tra hiện trạng tài sản, thẩm định giá, xác định giá, bán tài sản hoặc giao tài sản cho cá nhân, tổ chức trong trường hợp người phải thi hành án có hành vi chống đối, cản trở việc thi hành án; Chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 105 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP

17. UBND xã, phường, đặc khu có trách nhiệm phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự an toàn; huy động lực lượng, cử đại diện tham gia phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự trong trường hợp đương sự hoặc những người khác có hành vi cản trở, chống đối việc thi hành án.

Điều 106 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP